TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS - ST
Ngày: 02 - 7 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi.

Bà Bùi Thị Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên tòa***: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 N1 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 N1 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 N1 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 N1 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank); địa chỉ: Số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kháng - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Năng Tân và ông Trần Văn Thuật - Chuyên gia xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 444/UQ-TGĐ.24 ngày 23/5/2024); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Hữu N, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; ông N vắng mặt, bà N1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/12/2021 vợ chồng ông Trần Hữu N, bà Hoàng Thị N1 và ABBank ký Hợp đồng cho vay từng lần số 11983/21/TD-TT/XI3 với nội dung: Ông N, bà N1 vay ABBank số tiền

3.150.000.000 đồng; mục đích vay: Bồi hoàn tiền mua bất động sản; thời hạn vay 264 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ABBank giải ngân; lãi suất cho vay: Chi tiết theo giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra ông N còn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022 với hạn mức thẻ tín dụng là 200.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên, vợ chồng ông N, bà N1 đã ký với ABBank Hợp đồng thế chấp số 10208/21/TC-TT/XI.3 ngày 22/12/2021. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 700m^2 đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408110, số vào sổ cấp GCN: 04986 ngày 15/11/2004 đứng tên ông Trần Hữu N.

Sau khi ký hợp đồng, ABBank đã giải ngân số tiền 3.150.000.000 đồng cho ông N, bà N1 và mở thẻ tín dụng theo đúng như thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng: Đối với hợp đồng tín dụng ông N, bà N1 mới trả được 97.012.911 đồng trong đó trả nợ gốc là 35.796.002 đồng, trả lãi là 61.216.909 đồng. Đối với thẻ tín dụng ông N đã chi tiêu hết 556.975.799 đồng và mới trả được 200.309.862 đồng. Từ ngày 04/5/2022 ông N, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 02/7/2024, tổng số tiền ông N, bà N1 nợ ABBank là: 4.365.073.322 đồng; trong đó dư nợ của hợp đồng tín dụng là: 4.008.407.322 đồng (nợ gốc 3.114.203.998 đồng, lãi trong hạn là 836.228.805 đồng, lãi quá hạn là 57.974.519 đồng); dư nợ thẻ tín dụng là 356.665.937 đồng (nợ gốc là 199.691.260 đồng, lãi là 156.974.677 đồng).

Để đảm bảo quyền lợi, ABBank yêu cầu ông N, bà N1 phải trả ngay số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn được quy định tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông N, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ABBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì ông N và bà N1 vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ABBank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về chi phí tố tụng (Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông N, bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N1 trình bày: Ngày 22/12/2021, vợ chồng ông N, bà N1 đã ký Hợp đồng cho vay từng lần số 11983/21/TD-TT/XI3 vay ABBank số tiền 3.150.000.000 đồng với các thỏa thuận về mục đích, thời hạn, lãi suất ... đúng như Ngân hàng đã trình bày. Ngoài ra ngày 18/01/2022 ông N còn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022 với hạn mức thẻ tín dụng là

200.000.000 đồng. Để bảo đảm cho các khoản vay nói trên, vợ chồng ông N, bà N1 đã thế chấp quyền sử dụng 700m^2 đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408110, số vào sổ cấp GCN: 04986 ngày 15/11/2004 đứng tên ông Trần Hữu N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ABBank đã giải ngân số tiền 3.150.000.000 đồng và mở thẻ tín dụng đúng như thỏa thuận. Do kinh tế gặp khó khăn nên ông N, bà N1 đã không thanh toán trả nợ gốc và lãi đúng như thỏa thuận làm phát sinh nợ quá hạn đúng như Ngân hàng đã trình bày. Nay Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện, vợ chồng ông N, bà N1 đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ để vợ chồng ông, bà có thời gian trả nợ và giảm một phần lãi suất. Nếu không trả được nợ thì vợ chồng ông N, bà N1 đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 700m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408110, số vào sổ cấp GCN: 04986 ngày 15/11/2004 đứng tên ông Trần Hữu N vẫn giữ nguyên hiện trạng không có thay đổi gì so với thời điểm thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện: Vợ chồng ông N, bà N1 ký hợp đồng tín dụng vay ABBank số tiền là 3.150.000.000 đồng và mở thẻ tín dụng quốc tế ABBank Visa với hạn mức thẻ tín dụng là 200.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 700m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408110, số vào sổ cấp GCN: 04986 ngày 15/11/2004 đứng tên ông Trần Hữu N.

Hợp đồng tín dụng, mở thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa vợ chồng ông N, bà N1 đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi thực hiện hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông N, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi. Do vậy vợ chồng ông N, bà N1 có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, 117, 118, 119, 278, 280, 318, 319, 320; khoản 1 Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự N1 2015; Điều 27, 29, 30 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc vợ chồng ông N, bà N1 phải trả cho ABBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/7/2024 là: 4.365.073.322 đồng; trong đó dư nợ của hợp đồng tín dụng là: 4.008.407.322 đồng (nợ gốc là 3.114.203.998 đồng, lãi trong hạn là 836.228.805 đồng, lãi quá hạn là 57.974.519 đồng); dư nợ thẻ tín dụng là 356.665.937 đồng (nợ gốc là 199.691.260 đồng, lãi là 156.974.677 đồng). Kể từ ngày 03/7/2024 cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả, vợ chồng ông N, bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Nếu vợ chồng ông N, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ABBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí dân sự đối với vợ chồng ông N, bà N1 do ông, bà đều là người cao tuổi. Trả lại ABBank tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ABBank và vợ chồng ông N, bà N1 có nơi cư trú tại: Xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay từng lần số 11983/21/TD-TT/XI3 ngày 22/12/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022 được ký kết giữa ABBank và vợ chồng ông N, bà N1 đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung, hình thức, các thoả thuận trong hợp đồng đều phù hợp với quy định hiện hành nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, ABBank đã giải ngân số tiền vay và mở thẻ tín dụng theo đúng thỏa thuận, nhưng

khi đến thời hạn thanh toán, vợ chồng ông N, bà N1 đã thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Như vậy vợ chồng ông N, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ABBank.

Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông N, bà N1 đã dùng tài sản là quyền sử dụng 700m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408110, số vào sổ cấp GCN: 04986 ngày 15/11/2004 đứng tên ông Trần Hữu N. Việc vợ chồng ông N, bà N1 dùng tài sản của mình để thế chấp đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung, hình thức nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Nếu vợ chồng ông N, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì ABBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về số tiền phải trả:

Hợp đồng cho vay từng lần số 11983/21/TD-TT/XI3 ngày 22/12/2021, vợ chồng ông N, bà N1 vay ABBank số tiền 3.150.000.000 đồng; thời hạn vay 264 tháng, lãi suất cho vay quy định chi tiết theo giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà N1 mới trả được 97.012.911 đồng (trả nợ gốc là 35.796.002 đồng, trả nợ lãi là 61.216.909 đồng). Tính đến ngày 02/7/2024, vợ chồng ông N, bà N1 nợ tổng số tiền là: 4.008.407.322 đồng (nợ gốc là: 3.114.203.998 đồng, lãi trong hạn là: 836.228.805 đồng, lãi quá hạn là: 57.974.519 đồng).

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022 với hạn mức thẻ tín dụng là 200.000.000 đồng. Tính đến ngày 02/7/2024 ông N đã chi tiêu hết 556.975.799 đồng và mới trả được 200.309.862 đồng và còn nợ tổng số tiền là: 356.665.937 đồng (nợ gốc là 199.691.260 đồng, nợ lãi là: 156.974.677 đồng).

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N1 cũng đã thừa nhận số tiền nợ nói trên. Do vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ABBank, buộc vợ chồng ông N, bà N1 phải trả cho Ngân hàng Tổng số tiền của hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 02/7/2024 là: 4.008.407.322 đồng + 356.665.937 đồng = 4.365.073.322 đồng.

Đối với việc bà N1 đề nghị ABBank giãn thời gian trả nợ và giảm một phần lãi. Do hợp đồng tín dụng không có thoả thuận này và ABBank không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà N1.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông Trần Hữu N, bà Hoàng Thị N1

phải trả cho ABBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/7/2024 là: 4.365.073.322 đồng. Vợ chồng ông N, bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 11983/21/TD-TT/XI3 ngày 22/12/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp vợ chồng ông N, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì ABBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí tố tụng (Chi phí xem xét thẩm định): Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Vợ chồng ông N, bà N1 phải chịu 112.365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do ông N, bà N1 đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông N, bà N1. Trả lại ABBank 52.798.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 278, 280, 318, 319, 320; khoản 1 Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự N1 2015.

Căn cứ khoản 16 Điều 4; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ các Điều 27, 29, 30 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP An Bình: Buộc vợ chồng ông Trần Hữu N, bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP An Bình tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (02/7/2024) là: 4.365.073.322 đồng (Bốn tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm bẩy mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng); cụ thể: Hợp đồng cho vay từng lần số 11983/21/TD-TT/XI3 ngày 22/12/2021, vợ chồng ông N, bà N1 nợ: 4.008.407.322 đồng, trong đó nợ gốc là: 3.114.203.998 đồng, lãi trong hạn là: 836.228.805 đồng, lãi quá hạn là: 57.974.519 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022, vợ chồng ông N, bà N1 nợ: 356.665.937 đồng, trong đó nợ gốc là 199.691.260 đồng, nợ lãi là: 156.974.677 đồng.

Kể từ sau ngày tuyên án (ngày 03/7/2024) cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả, vợ chồng ông N, bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số

11983/21/TD-TT/XI3 ngày 22/12/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 06/22/VISA/XI.3 ngày 18/01/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp vợ chồng ông N, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP An Bình có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp số 10208/21/TC-TT/XI.3 ngày 22/12/2021. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 700m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408110, số vào sổ cấp GCN: 04986 ngày 15/11/2004 đứng tên ông Trần Hữu N. Nếu số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn thừa thì trả lại số tiền thừa cho vợ chồng ông N, bà N1. Nếu không đủ trả nợ thì vợ chồng ông N, bà N1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Trần Hữu N và bà Hoàng Thị N1. Trả lại Ngân hàng TMCP An Bình 52.798.000 đồng (N1 mươi hai triệu, bẩy trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0008313 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chỉnh